

## MỘT SỐ NÉT ĐẶC SẮC VỀ SỬ DỤNG HƯ TỪ TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH TRƯỚC 1945

ĐỖ ANH VŨ<sup>1</sup>

**Abstract:** This article explores the uses of function words employed in Nguyen Binh's poetry before 1945. The excessive use of function words brings the colloquial color to Nguyen Binh's poems.

There are seven-letter verses that can use up to 6 or 7 function words. Nguyen Binh has many special creations such as using function words to create a gemination, using function words to squeeze the lines of verses, or using two phonetic variations of the function words. He also created a series of two-syllable and three-syllable modality particles. When the use of function words in Huy Can's poems and Nguyen Binh's poems is compared, the individual style of each poet becomes much clearer.

**Keywords:** *Nguyen Binh, Huy Can, poet, style, function words, gemination, phonetic.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong nghiên cứu ngôn ngữ thi ca và phong cách học nói chung, vấn đề ngôn ngữ tác giả luôn giữ một vị trí vô cùng quan trọng, là trung tâm của mọi tác phẩm văn học. Trong ngôn ngữ tác giả lại có thể phân chia thành nhiều khu vực để dễ bề khảo sát, nghiên cứu. Nếu như từ trước tới nay, người ta vẫn thường nhấn mạnh vai trò của các thực từ (danh từ, động từ, tính từ...) trong việc giữ vai trò hạt nhân để tạo nên những hình tượng nghệ thuật, thì theo tôi, sẽ là một thiếu sót lớn nếu quên đi vai trò của các hư từ. Chính ở những đơn vị tương chừng chỉ có ý nghĩa ngữ pháp mà không mang ý nghĩa từ vựng này lại tạo nên cái duyên riêng cho mỗi tác giả, liên kết và dẫn dắt các thực từ lại với nhau, đồng thời cũng thể hiện tính sáng tạo không nhỏ của người cầm bút. Nguyễn Bình (1918-1966) là một trong những tác giả quan trọng của phong trào Thơ Mới (1932-1945), người được mệnh danh là

---

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học.

"Thi sĩ chân quê". Và một trong những biểu hiện cụ thể của hồn quê, chất quê ấy chính là việc sử dụng điệu luyện, tài tình các hư từ trong tiếng Việt.

## 2. Lịch sử nghiên cứu

Tất cả những nghiên cứu của giới Việt ngữ về ngữ pháp học từ trước đến nay, nếu đã xét từ góc độ từ pháp học thì luôn đề cập tới hư từ. Có thể kể đến những tác phẩm tiêu biểu trong đó có nhìn nhận ngữ pháp từ góc độ từ loại và bàn đến hư từ với các mức độ khác nhau như: *Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt* [Nguyễn Kim Thản (1981)], *Ngữ pháp tiếng Việt* [Ủy ban KHXH, (1983)], *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại* [Đình Văn Đức (1986)]. Những nghiên cứu trực tiếp và chuyên sâu hơn về hư từ tiếng Việt có thể kể đến là: *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại* [Nguyễn Anh Quế (1988)], *Tiểu từ tình thái dứt câu dùng để hỏi và việc biểu thị các hành vi ngôn ngữ trong tiếng Việt* [Nguyễn Thị Lương (1996)], *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại* [Hoàng Trọng Phiến (2003)], *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại* [Phạm Hùng Việt (2003)].

Những năm gần đây, một số luận văn thạc sĩ cũng đã tiến hành nghiên cứu hư từ trên một số văn bản cụ thể, trong đó có các tác phẩm văn chương. Có thể kể đến những luận văn điển hình như: *Khảo sát hoạt động của một số hư từ trong tác phẩm Phép giảng tám ngày của Alexandre de Rhodes* [Trịnh Kim Ngọc (2008)], *Hư từ trong ca dao Nghệ Tĩnh* [Bùi Thị Dung (2010)].

Tựu trung lại, tuy ý kiến về việc phân loại hư từ có khác nhau, song các nhà nghiên cứu đều thống nhất với nhau ở quan điểm: hư từ là những đơn vị chỉ có ý nghĩa ngữ pháp mà không có ý nghĩa từ vựng, tuy nhiên chúng giữ những vai trò rất quan trọng trong việc bổ sung các ý nghĩa tình thái, ngữ pháp cho thực từ cũng như biểu đạt các quan hệ ngữ pháp. Để tiện cho thao tác làm việc, chúng tôi sử dụng quan niệm của Bùi Minh Toán trong việc phân chia phụ từ làm ba nhóm với các tên gọi: phó từ, quan hệ từ và tình thái từ. Theo đó, từng loại được miêu tả sơ bộ như sau:

- Phó từ là những đơn vị chuyên làm thành tố phụ trong cụm từ để bổ sung cho thành tố chính một ý nghĩa nào đó. Phó từ được chia thành hai nhóm cơ bản: nhóm thường đi kèm với danh từ (*những, các, mọi, mỗi, từng...*) và nhóm thường đi kèm với động từ/ tính từ: *đã, đang, sẽ, không, chưa, chẳng, hãy, đừng, chớ...*

- Quan hệ từ là những đơn vị có chức năng liên kết, nối các từ, cụm từ hoặc câu với nhau. Chúng cũng có những tên gọi khác như *từ nối* (Đình Văn Đức), *kết từ* (*Ngữ pháp tiếng Việt*, 1983)... Quan hệ từ được chia thành hai nhóm chính là nhóm biểu thị quan hệ đẳng lập (*và, với, cùng, hoặc...*) và nhóm biểu thị quan hệ chính phụ (*vì, nếu, tại, bởi...*)



- Tình thái từ được coi là đơn vị cung cấp thêm sắc thái cho câu, biểu lộ tình cảm, thái độ, trạng thái của người nói đối với nội dung của câu hoặc đối với người cùng tham gia hoạt động giao tiếp. Tình thái từ được phân chia thành ba loại: trợ từ nhấn mạnh (*chính, cả, đích, chỉ...*), tiểu từ tình thái (*à, ư, nhi, nhé...*) và thán từ (*ồ, ôi, chao ôi, ôi, ái, trời ơi...*).

Chúng tôi sẽ đi vào khảo sát và miêu tả hư từ trong thơ Nguyễn Bính theo quan niệm về hư từ như trên.

### 3. Tổng quan về việc sử dụng hư từ trong thơ Nguyễn Bính

Trước Cách mạng, Nguyễn Bính đã công bố tất cả 272 bài thơ, được in trong 7 tập thơ và một số bài lẻ in rải rác. Kết quả thống kê cho chúng tôi thấy có tất cả 326 hư từ và tổ hợp hư từ đã được sử dụng với tổng tần số xuất hiện lên tới 4298 lần.

Có tất cả 105 đơn vị phó từ và tổ hợp phó từ đã được sử dụng trong các bài thơ của Nguyễn Bính. Tổng tần số của 105 đơn vị phụ từ này là 1.944 lần, trong đó có thể kể tới những đơn vị được xuất hiện với tần số cao nhất gồm: *không* (161 lần), *đã* (216 lần), *lại* (165 lần), *cho* (108 lần), *những* (150 lần), *chẳng* (109 lần), *vẫn* (73), *mãi* (72), *chưa* (62), *nữa* (50)...: *Tôi với nàng đây không biết nhau (Viếng hồn trinh nữ); Hay là nàng đã dẹt thoi đôi (Mùa đông nhớ cổ nhân); Bồi hồi xem lại trang thơ cũ (Nhớ thương ai); Uống đi em uống cho say (Rượu xuân); Tôi muốn những đêm đông giá lạnh (Ghen)...* Ngoài ra còn có thể kể đến các tổ hợp phó từ hai âm tiết như: *bỗng dưng, không cứ, đến nỗi, mãi mãi, thỉnh thoảng...*

Có tất cả 100 đơn vị quan hệ từ và tổ hợp quan hệ từ được sử dụng trong các bài thơ của Nguyễn Bính. Tổng tần số của 100 đơn vị phụ từ này là 1455 lần, trong đó những đơn vị xuất hiện với tần số cao nhất là: *như* (161 lần), *mà* (169 lần), *để* (122 lần), *với* (105), *từ* (72 lần), *cũng* (70 lần), *rồi* (61 lần), và (52), *thì* (51), *nhưng* (49), *của* (48)...: *Vì chẳng nhớ có như tơ nhĩ (Nhớ), Mà đến hôm nay anh mới biết (Trường huyện), Để đưa nàng đến nghĩa trang này (Viếng hồn trinh nữ), Dẹt lụa quanh năm với mẹ già (Mưa xuân), Từ dạo mông toi thôi trở lá (Vườn hoang)...*

Có tất cả 121 đơn vị tình thái từ và tổ hợp tình thái từ được sử dụng trong các bài thơ của Nguyễn Bính. Tổng tần số của 121 đơn vị phụ từ này là 899 lần. Trong đó, các đơn vị thuộc tiểu nhóm trợ từ nhấn mạnh được sử dụng nhiều nhất là: *cả* (110 lần), *chỉ* (50 lần), *nữa* (36 lần); các đơn vị tiểu từ tình thái được sử dụng nhiều nhất là: *rồi* (108 lần), *quá* (48 lần), *thôi* (44 lần), *lắm* (37 lần)...; các đơn vị thuộc nhóm thán từ được sử dụng nhiều nhất là: *ơi* (107 lần), *hỡi* (28), *à* (16), *ôi* (14)...: *Không, không, chả có đêm nào cả (Người con gái ở lầu hoa), Minh chỉ mơ toàn chuyện viên vông (Xuân tha hương), Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương (Lỡ bước sang ngang),*



*Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi!* (Nhạc xuân), *Nàng bèo bọt quá, em lẫn lóc (Xuân tha hương), Xa lắm rồi Nhi, muộn lắm rồi!* (Hoa với rượu), *Cô hái mơ ơi, cô gái ơi (Cô hái mơ), Chì ạ! Làm sao em cứ thấy (Chì đã ghen)...*

#### 4. Một số nét đặc sắc trong sử dụng hư từ của Nguyễn Bính

##### 4.1. Tần số sử dụng hư từ trong các câu thơ

Toàn bộ các thi phẩm trước Cách mạng của Nguyễn Bính gồm 5.332 câu thơ. Với tổng tần số các đơn vị hư từ/ cụm hư từ được sử dụng là 4.298. Có thể thấy, gần như cứ trung bình một câu thơ là có sự xuất hiện của một hư từ. Tuy nhiên khi đi vào thống kê cụ thể, có thể thấy mức độ đậm nhạt trong từng câu thơ vẫn có sự khác nhau. Bảng tổng kết sau sẽ cho chúng ta thấy tần số sử dụng hư từ trong từng câu thơ cụ thể.

Tần số sử dụng hư từ	Số lượng	Tỉ lệ %
Câu thơ không có hư từ	613/5332	11
Câu có 1 hư từ	1742/5332	33
Câu có 2 hư từ	1657/5332	31
Câu có 3 hư từ	1055/5332	20
Câu có 4 hư từ	216/5332	4
Câu có 5 hư từ	44/5332	0,8
Câu có 6 hư từ	7/5332	0,13
Câu có 7 hư từ	1/5332	0,01

Những câu thơ không có hư từ chiếm tỉ lệ không nhiều lắm. Tuy nhiên, cá biệt cũng có một vài bài thơ chỉ xuất hiện duy nhất một hư từ (roi vào những bài thơ ngắn, có độ dài từ 6 - 8 câu): *Trưa hè một buổi nắng to/ Gió tây nổi, cánh đồng ngô rào rào/ Con đường thấp, con đê cao/ Bọn người đi chợ rẽ vào đồng ngô/ Tiếng cười chen tiếng nói to/ Dáng chùng trong bọn có cô chưa chồng (Trưa hè)*. Bài thơ trên chỉ có một hư từ duy nhất nằm ở câu cuối cùng: *chưa*.

Những câu thơ có một hư từ chiếm tỉ lệ nhiều hơn cả trong các bài thơ của Nguyễn Bính. Những hư từ xuất hiện trong các câu thơ liền kề, có sự lặp lại, đôi khi giữ vai trò quan trọng trong việc liên kết văn bản: *Em lo gì trời gió/ Em sợ gì trời mưa/ Em buồn gì mùa hạ/ Em tiếc gì mùa thu (Thoi to)*.

Những câu thơ có mặt hai hư từ chiếm số lượng lớn thứ nhì, trong nhiều trường hợp góp phần xác lập, tạo ra hai vế của một câu thơ, làm câu thơ có âm điệu nhịp nhàng, giàu nhạc tính: *Bệnh đường như khỏi, dạ như say (Nhật nắng), Cho điều tôi xuống, cho tôi nhớ nhàng (Nhớ nhàng)*. Hai hư từ đi cùng trong một câu thơ có thể truyền tải ý nghĩa nhấn mạnh hoặc bổ sung: *Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp (Hoa với rượu), Chỉ về một bến, chỉ xuôi một chiều*

(Hai lòng). Hai hư từ có thể đứng liền kề nhau hoặc giãn cách trong một câu thơ: **Đừng nên buồn bã khóc than chi** (Một người phóng đãng), **Lâu lắm hình như tôi biếng cười** (Lá mùa thu), **Từ đây loài hoa mới biết cười** (Hương, cố nhân), **Cũng xin giữ mãi làm nàng Tây Thi** (Tây Thi). Những câu thơ gồm ba hư từ cũng có sự thể hiện khá linh hoạt. Có khi là sự lặp lại ba lần của một đơn vị hư từ: **Ôi! Lạ! Ôi! Đòn! Ôi! Tóc tơ!** (Một lần), **Ồ mai, ồ một, ồ mai một** (Tạ Từ). Có khi là sự phối hợp nhịp nhàng của các tiểu loại hư từ khác nhau (phó từ, quan hệ từ, tình thái từ): **Em đừng khóc nữa em ơi!** (Lỡ bước sang ngang), **Đừng lo cô nhỏ, tôi giàu lắm** (Cho tôi ly nữa).

Những câu thơ có 4 và 5 hư từ chiếm tỉ lệ không nhiều lắm, nhưng theo chúng tôi, nó lại góp phần tạo ra một giọng điệu riêng của thi sĩ chân quê, làm câu thơ đậm chất khẩu ngữ, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày: **Dở dang cho đến thế thì dở dang** (Xây hồ), **Chắc chắn như khi chị lấy chồng** (Khăn hồng), **Bởi vì, thôi nói làm chi nữa** (Những trang nhật ký), **Đầu sao thì sự đã rồi nghe em** (Lỡ bước sang ngang). Đặc biệt, những câu thơ gồm 6 và 7 hư từ có thể coi là những câu thơ độc đáo nếu xét từ góc độ sử dụng hư từ trong văn bản thi ca: **Thì ra chỉ có thế mà thôi** (Vâng), **Chỉ có thể thôi nên đến để** (Một người phóng đãng), **Có cũng nên mà không cũng nên** (Vấn vơ).

#### 4.2. Về sự chuyển loại đối với các đơn vị hư từ

Chuyển loại là một vấn đề thú vị của ngữ pháp tiếng Việt, đã được nhiều người trong giới Việt ngữ học bàn đến. Theo đó, một đơn vị mới thuộc phạm trù từ loại này được tạo ra từ một đơn vị thuộc phạm trù từ loại khác nhưng giữa chúng có sự tương đồng hoàn toàn về vô âm thanh và có sự liên hệ nhất định về mặt ý nghĩa. Trong hệ thống dữ liệu thơ Nguyễn Bính, có thể thấy hai trường hợp rất rõ là sự chuyển loại giữa thực từ - hư từ và sự chuyển loại hư từ - hư từ

##### 4.2.1. Chuyển loại thực từ - hư từ

Có thể thấy, ở cả ba khu vực thực từ cơ bản là động từ, danh từ và tính từ đều có sự chuyển loại sang hư từ ở thể tương ứng. Trường hợp động từ có thể thấy qua những trường hợp điển hình với các đơn vị: *có*, *nổi*, *để*. Trường hợp danh từ có thể thấy qua đơn vị: *lắm*. Trường hợp tính từ có thể thấy qua: *mới*, *cả*.

Sử dụng với tư cách thực từ	Sử dụng với tư cách hư từ
<i>Có</i> những hàng chim bay rất cao (Buồn ngán ngơ)	<i>Lăn lóc có</i> dư mùi tình (Trời mưa ở Huế)
<i>Từng</i> con bong bóng lạnh chanh <i>nổi</i> (Mưa)	<i>Cũng</i> không ngăn <i>nổi</i> một lần chị đi (Lỡ bước sang ngang)
<i>Tên</i> anh em <i>để</i> bên lòng (Ngưu Lang - Chức Nữ)	Đi vòng <i>để</i> được qua nhà <i>đầy</i> thôi (Qua nhà)



<i>Đã mấy lần</i> xuân trôi chảy mãi (Cô lái đò)	<i>Rót lần</i> rót mãi xuống nàng Oanh (Tâm hồn tôi)
<i>Một bài thơ mới</i> để dâng Nhi (Nuôi bướm)	<i>Chị em mới</i> lấy chồng năm ngoái (Hoa với rượu)

#### 4.2.2. Chuyển loại hư từ - hư từ

Có thấy sự chuyển loại này qua các đơn vị điển hình như: *nữa* (vừa là phụ từ vừa là trợ từ nhấn mạnh - một tiểu loại của tình thái từ), *rồi* (vừa là quan hệ từ vừa là tiểu từ tình thái), *đi* (vừa là phụ từ vừa là tiểu từ tình thái), *thôi* (vừa là tiểu từ tình thái vừa là phụ từ), *mà* (vừa là quan hệ từ vừa là tiểu từ tình thái), *những* (vừa là phụ từ vừa là trợ từ nhấn mạnh). Sau đây là một số ví dụ tiêu biểu:

- *Em đừng khóc nữa em ơi* (Lỡ bước sang ngang) và *Một vai nữa* gánh muôn vòn nhớ thương (Lỡ bước sang ngang)

- *Rồi* đây sóng gió ngang sông (Lỡ bước sang ngang) và *Mùa xuân, mùa xuân, mùa xuân rồi!* (Nhạc xuân)

- *Và đem đi* cả một thuyền mơ (Vấn vợ) và *Uống đi!* Em uống cho say. (Rượu xuân)

- *Hay để mà* thương đến mãi đời (Những trang nhật ký) và *Tại ai? Có tại Hoàng Trân đâu mà!* (Ngọc vô duyên)

- *Những* chiều quán trọ, *những* đêm say (Trời mưa ở Huế) và *Những* một mình em uống rượu hồng. (Xuân tha hương)

#### 4.3. Sử dụng hư từ như một phép điệp

Tạm bỏ qua những trường hợp lặp lại hai lần một đơn vị hư từ, chỉ tính từ trường hợp lặp lại ba lần trở lên, Nguyễn Bính đã có tới 34 lần sử dụng hư từ như một phép điệp độc đáo, trong đó có những trường hợp một đơn vị hư từ lặp lại 5 lần, 7 lần và 8 lần. Có 19 trường hợp điệp lại ba lần một đơn vị hư từ: *Nghĩa là ghen quá đấy mà thôi/ Thế nghĩa là yêu quá mất rồi/ Và nghĩa là cô là tất cả/ Cô là tất cả của riêng tôi* (Ghen). Có 10 trường hợp điệp lại bốn lần một đơn vị hư từ: *Vợ tôi không đợi không chờ/ Không nhan sắc mấy không thơ mộng gì* (Cưới vợ). Có 3 trường hợp điệp lại 5 lần một đơn vị hư từ: *Lòng đâu nhớ đến khách qua đường/ Những buổi chiều hè nhạt bóng dương/ Những buổi thu sang vàng lá rụng/ Những ngày đông đến trận mưa sương/ Những độ xuân về, những tiếng khuyên* (Vô tình). Và đặc biệt hơn cả, có trường hợp điệp lại 7 lần một đơn vị hư từ và trường hợp điệp 8 lần một đơn vị hư từ: *Dù rằng một chữ cũng thơ/ Dù rằng một thoáng cũng thừa xót xa/ Dù rằng cũng một cánh hoa/ Dù rằng một nira cũng là trái tim/ Dù không nói, dù lặng im/ Dù sao anh cũng thương đêm nhớ ngày* (Dù rằng),

Lòng nào bạn nữ lặng im/ **Để** tan ngọc bích **để** chìm ngọc trai/ **Để** gió cắt, **để** mưa mài/ **Để** nhòe cánh thắm, **để** phai nhụy hồng/ **Để** sa mạc một tấm lòng/ **Để** sinh phần, **để** lãnh cung cuộc đời (Ngọc vô duyên).

#### 4.4. Sử dụng hư từ gắn với câu thơ vắt dòng

Câu thơ vắt dòng có thể nói là một hình thức khá táo bạo mới mẻ của thi ca hiện đại, xuất hiện nhiều trong phong trào Thơ Mới. Nhiều thi sĩ lãng mạn đều có sử dụng hình thức này, chẳng hạn Xuân Diệu: *Hoa nghiêng xuống có trong khi cỏ/ Nghiêng xuống làn rêu một tối đầy (Vội bàn tay ấy)*.

Ở Nguyễn Bính, ông có rất nhiều câu thơ thể hiện thủ pháp vắt dòng, nhưng điều quan trọng là, điểm giao cắt ở vị trí vắt dòng ấy - âm tiết cuối cùng của câu thơ đi trước - lại là một hư từ. Điều này tạo ra một giọng điệu mới mẻ, thú vị, đẩy câu thơ từ điệu ngâm (theo lối truyền thống) tiến dần sang cương vực của điệu nói (giàu chất khẩu ngữ): *Thôi ạ, làm sao thôi lại cứ/ Đi về giếng mắc để trên tôi (Nhớ), Tình cô kỹ nữ bên sông đã/ Tàn lạnh theo thuyền thương khách xuôi (Chị đã ghen), Lặng lặng anh ngồi bên em để/ Đếm ngón tay ngà thon búp măng (Nếu một mai), Tôi uống cả em và uống cả/ Một trời quan tãi mấy cho say (Một trời quan tãi)*.

#### 4.5. Sử dụng hai biến thể ngữ âm của đơn vị hư từ

Nguyễn Bính rất linh hoạt khi sử dụng đồng thời cả hai biến thể ngữ âm của một đơn vị hư từ, điều này tạo ra sự phong phú về giọng điệu, biểu hiện được nhiều sắc thái hơn. Đó có thể là một màu sắc của phương ngữ Bắc Bộ được nhấn mạnh, đó lại có thể là một không khí cổ điển được tạo dựng. Ta hãy thử so sánh:

- *Tự* và *từ*: *Chị từ* dan díu với tình (Lỡ bước sang ngang) và *Mới hay tự* cổ bao người đẹp (Viếng hồn trinh nữ)

- *Không* và *khôn*: *Mẹ không* muốn thế nhưng mà nghĩ (Bước đi bước nữa) và *Giếng cạn nên khôn* thả lá vàng (Nhật nắng)

- *Nhì* và *hì*: Ngày mai có nghĩa gì đâu *nhì* (Hành phương Nam) và Bao giờ vui *hì!* Về ăn cưới! (Khăn hồng)

- *Đang* và *đương*: *Mây trắng đang* xây mộng viễn hành (Bây chữ) và *Bên người lão bợc đương* ngồi quay tơ (Dòng dư lệ)

- *Thì* và *thời*: Ngày mai *thì* cưới, độ chừng ngày kia (Cưới vợ) và *Thời* thường nhắc: *Chị mà giờ ra sao...?* (Lỡ bước sang ngang)

Cuối cùng, Nguyễn Bính trong việc đặt nhan đề các thi phẩm của mình đã có tới hai bài thơ mà tên của nó thuần túy là những hư từ. Đó là các bài *Vâng* và *Dù rằng*. Đây cũng là một điểm khá độc đáo, ít bắt gặp ở các thi sĩ đương thời.



4.6. So sánh việc sử dụng hư từ trong thơ Nguyễn Bính và Huy Cận trước 1945

Để làm rõ hơn về đặc điểm sử dụng hư từ trong thơ Nguyễn Bính, chúng tôi có sự tiên hành so sánh, thống kê đối chiếu với việc sử dụng hư từ trong thơ Huy Cận qua tập *Lửa thiêng* (1940). Tập *Lửa thiêng* gồm 50 bài thơ với 957 dòng thơ. Có tất cả 120 đơn vị hư từ được sử dụng (phụ từ: 54; quan hệ từ: 31; tình thái từ: 32) với tổng tần số hư từ là 732 lần. Có thể quan sát tình hình sử dụng hư từ của hai tác giả qua bảng tổng kết dưới đây:

Tác giả	Tổng đơn vị hư từ	Tổng tần số hư từ	Phó từ	Quan hệ từ	Tình thái từ
Nguyễn Bính	326	4298	105/1944 (32% - 45%)	100/1455 (31% - 34%)	121/899 (37% - 21%)
Huy Cận	120	732	54/332 (47% - 45%)	31/276 (26% - 38%)	32/124 (26% - 17%)

Có thể thấy, ở Nguyễn Bính, tổng đơn vị ở hai khu vực phó từ và quan hệ từ là khá tương đương nhau, trong khi đó, số lượng đơn vị tình thái từ lại có phần vượt trội hẳn lên. Ngược lại, ở Huy Cận, số đơn vị phó từ được sử dụng lại chiếm số lượng nhiều hơn cả: 56 đơn vị (47%), số lượng đơn vị quan hệ từ và tình thái từ được sử dụng khá tương đương nhau. Tuy nhiên, xét về tổng tần số sử dụng thì tỉ lệ tình thái từ trong thơ Huy Cận ít hơn hẳn so với thơ Nguyễn Bính. Có thể lí giải điều này trong mối quan hệ gắn bó với phong cách nghệ thuật của hai tác giả. Số lượng tình thái từ có phần vượt trội hơn trong thơ Nguyễn Bính thể hiện đậm chất hội thoại, kể lể, tâm tình, cách diễn đạt có xu hướng khẩu ngữ hóa. Trái lại, Huy Cận vẫn là nhà thơ mang đậm phong cách cô điển với chất trầm mặc phương Đông, nhiều khi ưa sự cô đọng, trang trọng, nghiêm cẩn. Vì thế, việc sử dụng các tình thái từ không phải là điểm nổi trội trong thơ Huy Cận. Đọc kĩ vào tập *Lửa thiêng*, có thể thấy nhiều bài thơ mang đậm không khí của Đường thi, rất ít bóng dáng của các hư từ, điển hình như các bài: *Tràng giang*, *Chiều xưa*, *Đẹp xưa*: *Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp/ Con thuyền xuôi mái nước song song/ Thuyền về nước lại sầu trăm ngả/ Củi một cành khô lạc mấy giòng/ Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu/ Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều/ Nắng xuống, trời lên sâu chót vót/ Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Cái gốc Bắc Bộ còn khiến cho thơ Nguyễn Bính xuất hiện những hư từ mang đậm dấu ấn vùng miền, khác biệt hẳn so với Huy Cận vốn là người miền Trung (Hà Tĩnh). Chẳng hạn, về việc dùng các trợ từ nhấn mạnh, Huy Cận chỉ sử dụng 4 đơn vị là *chỉ*, *cả*, *nhỡ*, *hẳn*: *Tình rộng quá, đời không biên giới **nhỡ** (Tình tự)*, *Chớ buông thả hết **cả** lòng kiêu hãnh (Vỡ vè)*. Còn Nguyễn Bính cũng sử dụng bốn đơn vị trên và 13 đơn vị khác, thể hiện rõ



lời nói khẩu ngữ đặc trưng của Bắc Bộ: *những, có, đã đành, đời nào, mà lại, ai đời...* Điều này chứng tỏ sự khác biệt rất lớn về nguồn gốc xuất thân của hai thi sĩ bởi Huy Cận vốn là người gốc miền Trung, sinh ra lớn lên tại Hà Tĩnh, sau lại vào Huế học. Ví dụ về cách sử dụng hư từ của Nguyễn Bính: *Nghe đâu đường **những** sáu ngày thuyền* (Một lần), ***Những** một mình em uống rượu hồng* (Xuân tha hương), ***Đã đành** máu trở về tim* (Lỡ bước sang ngang).

Nếu như Huy Cận chỉ sử dụng 8 tổ hợp hai âm tiết và 2 tổ hợp ba âm tiết ở nhóm đơn vị tiểu từ tình thái, thì Nguyễn Bính đã sử dụng tới 27 tổ hợp song tiết và 17 tổ hợp ba âm tiết, tạo ra một sự phong phú đa giọng điệu, khiến những câu thơ giàu chất khẩu ngữ hơn bao giờ hết, kết hợp cùng chất giải bày, thổ lộ, kể lể, tâm sự tâm tình. 27 tổ hợp song tiết ở nhóm tiểu từ tình thái được sử dụng gồm: *thế ru, được sao, làm gì, đâu mà, ừ thôi, thôi rồi, vậy thay, thôi mà, thôi nhé, thì thôi, lắm mà, ồ nhỉ, đây mà, sao mà, nữa đâu, lắm rồi, mất rồi, mà chi, ờ nhỉ, mất thôi, thế thôi, đây thôi, há nữa, thế nào, chết nhỉ, tội gì, đi thôi*; trong đó có những tổ hợp gọi âm hưởng rất cổ kính, xa xăm như *thế ru, há nữa*. Điều này nhắc ta nhớ rằng Nguyễn Bính thuộc thế hệ thi sĩ cuối cùng được đào tạo Hán học, khác với Huy Cận, Xuân Diệu là những người được đào tạo Tây học: *Đời người đã thông thả **thế ru*** (Bài thơ vãn Rây), ***Há nữa** theo anh, **nữ** bỏ liêu* (Lòng nào dám tưởng). 17 tổ hợp ba âm tiết ở nhóm tiểu từ tình thái gồm: *thế thì thôi, gì đâu nhỉ, rồi hãy hay, đây mà thôi, nữa hay thôi, thì mới được, chẳng thì chớ, quá mất thôi, thế này thôi, thế mà thôi, sao được nữa, đến thế đâu, mãi mà thôi, mà làm chi, quá đi thôi, thế là thôi, gì nữa đâu: **Tội nghiệp cho chàng quá mất thôi!*** (Nhớ thương ai), *Nghĩa là ghen quá **đây mà thôi!*** (Ghen), *Ngày mai có nghĩa gì **đâu nhỉ!*** (Hành phương Nam).

Ở nhóm các thán từ, Huy Cận chỉ sử dụng 7 thán từ trong tập *Lửa thiêng*, bao gồm: *ôi, ơi, à, ồ, trời, than ôi, trời ơi*; trong đó xuất hiện với tần số nhiều hơn cả là *ôi* (20 lần) và *ơi* (12 lần). Những bộc lộ cảm xúc nói chung và nỗi buồn nói riêng qua các thán từ trong thơ Huy Cận theo cảm nhận của chúng tôi là khá kín đáo: ***Ôi** nắng vàng sao mà nhớ nhung!* (Nhớ hò), *Trăng **ôi!** Ai chép nhạc Nghệ Thường?* (Hồn xa), *Hồn **ơi!** Có nhớ giấc trần gian* (Ngủ chung). Trong số đó còn bắt gặp một số lần thán từ gắn với những niềm vui, mang đến những cảm xúc hoài niệm trong trẻo: ***Ôi!** Thời thơ bé tuổi mười lăm* (Học sinh), *Em **ơi!** Chiều đương họa điệu vàng tơ* (Họa điệu).

Với Nguyễn Bính, ngoài các thán từ đơn tiết như: *ơi* (107 lần), *ôi, à, ừ, vâng, hời...*, ông đã huy động một số lượng lớn các tổ hợp thán từ song tiết lên tới con số 24 đơn vị và một tổ hợp ba âm tiết “*giờ hời giờ*” trong câu thơ *Nuôi được con sao, giờ hời giờ!* (Oan nghiệt). Có thể kể đến các tổ hợp thán từ song tiết điển hình như: *chao ôi, than ôi, hời ôi, hời ơi, ôi thôi, ồ nhỉ, ô kìa...* Riêng việc nhắc đến “*trời/ giờ*” đã có tới 5 cách thể hiện: *trời,*



trời hời, hủ giời, hời giời, lay giời. Theo chúng tôi, một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Bính là đã tạo ra những đơn vị/ tổ hợp thán từ lâm thời. Có ít nhất 4 đơn vị như vậy: *góm, có ít, đến khổ, khôn nạn*: **Góm!** Sao có một quãng đồng mà xa (Qua nhà), **Ngót một tháng nay rồi!** **Có ít!** (Mong thư), **Đến khổ!** Khi người yêu ở xa (Mong thư), **Khôn nạn**, tương yêu thì khó chứ (Xuân tha hương).

Một số đơn vị song tiết mang đậm âm hưởng dân quê Bắc Bộ, chỉ cần đọc lên đã thấy như một đặc trưng của chất thơ Nguyễn Bính: *lay giời, phải gió, khôn thay*: **Lay giời** đừng sáng đêm nay (Một con sông lạnh), **Phải gió** anh này khéo nhớ dai (Cô dâu), **Khôn thay!** Ai đúc nhà vàng cho tôi (Tôi còn nhớ lắm).

Có thể nói, đa số những đơn vị thán từ được sử dụng trong thơ Nguyễn Bính đều gọi những nỗi bi ai, buồn bã, chán chường, xót xa, thất vọng, trống vắng. Và quan trọng là, Nguyễn Bính dường như không hề ngần ngại để phô bày những nỗi buồn mà ông còn sẵn sàng đẩy nó lên đỉnh điểm bằng cách lặp đi lặp lại những đơn vị thán từ: **Chao ôi**, **Tết đến em không được!** **Trông thấy quê hương thật nảo nùng** (Xuân tha hương), **Chị ơi**, **tất cả đều vô nghĩa** (Xuân vẫn tha hương), **Hỡi ơi** bướm trắng tơ vàng/ **Mau về mà chịu tang** nàng đi thôi (Người hàng xóm), **Than ôi!** Chiếc lá cuối cùng là đây (Cây bàng cuối thu), **Đất khách tình dânng nhòa mắt lệ!** **Ôi nhà!** **Ôi chị!** **Ôi quê hương!** (Xuân vẫn tha hương), **Ôi!** **Lụa!** **Ôi!** **Đàn!** **Ôi!** **Tóc tơ!** **Nàng làm thiên hạ muốn tương tư** (Một lần).

#### 4.7. Phân tích một số hư từ trong thơ Nguyễn Bính

Để làm rõ hơn nữa phong cách Nguyễn Bính qua việc sử dụng hư từ, thấy được vẻ đẹp của hư từ trong thơ Nguyễn Bính, chúng tôi sẽ chọn phân tích ba đơn vị hư từ, mỗi đơn vị đại diện cho một tiểu loại (phó từ, quan hệ từ, tình thái từ). Qua đây, chúng ta sẽ thấy được việc tìm hiểu hư từ nhiều khi còn là một chìa khóa để mở cửa bước vào thế giới nghệ thuật của nhà thơ. Ba đơn vị được chúng tôi chọn phân tích gồm: *đã* (đại diện cho nhóm phó từ), *từ* (đại diện cho nhóm quan hệ từ) và *ơi* (đại diện cho nhóm tình thái từ).

##### 4.7.1. Đã

Trong bảng tư liệu phó từ thơ Nguyễn Bính, *đã* là đơn vị có tần số xuất hiện lớn nhất với 216 lần, vượt xa các phó từ chỉ thời gian khác như: *đang* (7 lần), *sẽ* (29 lần), *sắp* (10 lần), *vừa* (10 lần). Chúng tôi cho rằng, *đã* phản ánh một không khí hoài niệm, thương nhớ trải khắp trong thơ Nguyễn Bính và đại đa số đều gắn với nỗi buồn, nước mắt: *Mắt mờ vì đã khóc bao đêm* (Mong thư), *Đã cùng chị khóc đoạn đường thơ ngây* (Lỡ bước sang ngang), *Bấy lâu mẹ đã nhiều đắng cay* (Bước đi bước nữa), *Tôi đã tan hoang cả kiếp người* (Cho tôi được khóc), *Đã bao lần khóc biệt ly* (Một đêm ly biệt).



Không chỉ gắn với nước mắt, *đã* còn gắn với tang tóc, chia lìa sinh li tử biệt: *Người gái trinh kia đã chết rồi... Nàng đã qua đời để tới nay (Viếng hồn trinh nữ), Giờ đây anh đã ra người ngàn xưa (Khóc anh Nguyễn Nhược Pháp).*

Ngay cả trong những miêu tả tưởng chừng như khách quan, cách dùng *đã* của Nguyễn Bính vẫn gợi nỗi buồn thương man mác hoặc những nuối tiếc trống trải: *Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi/ Mấy lần cô gái mới mòn trông (Cô lái đò), Anh ạ! Mùa xuân đã cạn ngày (Mùa xuân), Lá bàng đã hết màu xanh/ Bao nhiêu cánh biệt ly cành đêm nay (Lòng kỹ nữ).* Một điều kì lạ nữa, thi sĩ trong những diễn đạt về hiện tại và tương lai vẫn dùng *đã* như một sự an bài không thể thay đổi: *Từ nay nàng đã hết yêu tôi (Thôi nàng ở lại).* Chỉ có một số lần rất ít (2 lần), *đã* gắn với niềm vui trong thơ Nguyễn Bính: *Đã thấy xuân về với gió đông (Xuân về), Tôi đã vui mừng trở lại quê (Sống lại).*

Đặt thơ Nguyễn Bính trong hệ hình thơ lãng mạn đương thời, có thể hiểu rõ hơn tại sao *đã* được sử dụng vượt trội hơn hẳn so với các phó từ chỉ thời gian khác. Như ta đã biết, nỗi buồn mất nước, nỗi buồn nô lệ là trạng thái bao phủ bàng bạc khắp thi ca lãng mạn thời đó. Người tri thức chưa tìm được con đường, chưa định hướng được tương lai. Vì thế, việc hoài niệm những điều đã qua, sống nhiều với những nỗi niềm quá khứ là điều có thể hiểu được, mà Nguyễn Bính cũng không là ngoại lệ.

#### 4.7.2. Từ

Trong bảng tư liệu quan hệ từ, *từ* có tần số xuất hiện 72 lần, nằm trong 5 đơn vị quan hệ từ có tần số xuất hiện nhiều nhất. Theo *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học), *từ* được ghi nhận với hai nghĩa: 1: “từ biểu thị điều sắp nói là điểm xuất phát, điểm khởi đầu hay là nguồn gốc của việc được nói đến”. 2: “từ biểu thị điều sắp nói là điểm xuất phát rất thấp, để hàm ý rằng mức độ được nói đến là rất cao, ít nhiều triệt để”

Trong thơ Nguyễn Bính, *từ* được sử dụng với cả hai ý nghĩa trên. Ở nghĩa thứ nhất, *từ* chủ yếu được dùng trong những diễn đạt về thời gian: *Kể từ thu ấy mỗi thu sang (Đôi nhạn), Từ nay nàng đã hết yêu tôi (Thôi nàng ở lại), Vắng bóng cô em từ dạo ấy (Cô lái đò).* Thế nhưng, Nguyễn Bính theo chúng tôi đã có sáng tạo khi dùng *từ* gắn với những sự kiện cụ thể, điều này làm nên một cách diễn đạt về thời gian/ thời điểm trong thơ Nguyễn Bính mà chúng ta có thể gọi là thời gian sự kiện: *Chị từ lữ bước sang ngang (Lữ bước sang ngang), Từ dạo mỏng tơ thôi trở lá (Vườn hoang), Từ ngày cô đi lấy chồng (Qua nhà), Từ buổi lầu hoa khép cánh sương (Khép cánh sương).*

Như vậy, cái ám ảnh về thời gian đối với người nghệ sĩ trong những trường hợp này không nằm ở cảm giác về mặt sáng/ tối, ấm/ lạnh hay những diễn đạt chung chung mà nằm ở *cái sự kiện* được đánh dấu, giống như một thời điểm mang tính bước ngoặt khó phai mờ trong tâm trạng - cảm xúc của chủ thể trữ tình.



Ở nghĩa thứ hai, *ơi* chỉ được bắt gặp trong hai câu thơ: *Chia nhau từ một quả sim trái mùa (Chim với người)* và *Nàng đẹp, đẹp từ hai khóe mắt (Bao nhiêu đau khổ của trần gian...)*

#### 4.7.3. *Ơi*

Trong bảng tư liệu thán từ, *ơi* là đơn vị có tần số xuất hiện khá lớn, đứng thứ ba trong danh sách với 107 lần. *Ơi* trong thơ Nguyễn Bính gần nhiều nhất với lời gọi hướng về người phụ nữ của người đàn ông. Người phụ nữ ấy có thể được kêu bằng *em, cô, nàng, cố nhân* hoặc những cái tên cụ thể như *Chức Nữ em ơi, Huyền Trần ơi, Oanh ơi, Tú Uyên ơi: Cô nhân tình bé của tôi ơi (Ghen), Chiều nay gió lạnh đầy nàng ơi (Vấn vơ), Em ơi! Anh biết không duyên nợ (Bạc tình), Mưa phùn gió bắc cố nhân ơi (Mùa đông gửi cố nhân).*

Người phụ nữ ấy còn là người chị - một điểm tựa tinh thần, được xuất hiện trong rất nhiều bài thơ của Nguyễn Bính: *Chị ơi Tết đến em mua rượu (Xuân tha hương), Chị ơi tất cả là vô nghĩa (Xuân vẫn tha hương), Chắc chẳng bao giờ nữa chị ơi (Bài thơ vẫn Rẫy)*. Chữ *ơi* còn được Nguyễn Bính dùng để gọi mẹ, gọi cha: *Thầy ơi đừng bán vườn chè/ Mẹ ơi đừng chặt cây lê con trồng (Thư cho thầy mẹ)*. Chữ *ơi* cũng được dùng để hướng vào người đàn ông như trong những trường hợp vợ nói với chồng, chị nói với em trai, em trai nói với anh trai: *Vợ khóc: “Chàng ơi! Em hãi lắm!” (Truyện cổ tích), Em ơi, nói nhỏ câu này với em (Lỡ bước sang ngang), Nhà thơ còn trẻ lắm anh ơi! (Lá thư về Bắc)*. *Ơi* có khi cũng xuất hiện trong những trường hợp chỉ người mang tính chất vô nhân xung, không xác định được giới tính: *Người ơi, buồn lắm mà không khóc... Uống say rồi gọi thế nhân ơi... Người ơi! Người ơi! Hề Người ơi! (Hành phương Nam)*.

Nhưng chưa dừng lại ở đó, Nguyễn Bính còn dùng *ơi* để thưa gọi với thiên nhiên và gọi cả chính mình. Đây chính là điểm độc đáo nhất trong cách dùng *ơi* của nhà thơ: *Lá ơi và gió ơi tôi biết (Nhật nắng), Quét giùm tôi với gió thu ơi (Lá mùa thu), Hồng ơi! Bướm cười hoa hồng (Đám cưới bướm), Ở trên gác vắng lạnh lòng ơi (Oanh), Lòng ơi, người ấy vô tình đi qua (Mười hai bến nước)*.

Nhìn chung, vẫn là cảm hứng buồn thương, nhưng nhớ, vắng xa bao phủ lên đại đa số các lần sử dụng thán từ *ơi* trong những bài thơ của thi sĩ chân quê.

### 5. Kết luận

Xưa nay trong văn học cổ điển, người ta vẫn thường coi trọng những “chữ đúc”, coi trọng sự cô đọng sâu xa, vì thế mà vai trò của hư từ thường không được đề cao, thậm chí là khá lu mờ. Thế nhưng sang đến thời kì hiện đại, khi chất khẩu ngữ ngày một đi vào văn bản thi ca một cách cởi mở hơn



thì chính việc sử dụng hư từ của các nhà thơ lại tạo ra những dấu ấn quan trọng, góp phần thể hiện chất thơ riêng, phong cách riêng của mình. Đề tài đi vào khảo sát và miêu tả hư từ trong thơ Nguyễn Bính, cũng trên tinh thần làm rõ thêm phong cách của nhà thơ cũng như những dụng công sáng tạo, những biểu hiện độc đáo về mặt ngôn từ của ông.

5.1. Nguyễn Bính đã huy động một số lượng khá lớn các đơn vị hư từ với tần số hoạt động cực cao, trải khắp toàn bộ 272 thi phẩm được sáng tác trước Cách mạng Tháng 8. Cụ thể, có tất cả 326 đơn vị hư từ với tổng tần số 4.298 lần, trong đó phó từ gồm 105 đơn vị với tần số 1.944 lần, quan hệ từ gồm 100 đơn vị với tần số 1.455 lần, tình thái từ gồm 121 đơn vị với tần số 899 lần. Trong đó, có thể nói, Nguyễn Bính có nhiều dụng công hơn cả ở khu vực tình thái từ trong việc tạo ra nhiều kết hợp đôi, kết hợp ba ở khu vực tiểu từ tình thái, tạo nên một giọng điệu riêng có, không nhòa lẫn với các nhà thơ cùng thời.

5.2. Trong quá trình sử dụng hư từ trong các tác phẩm, Nguyễn Bính có nhiều biểu hiện dụng công nghệ thuật như việc tạo ra các phép điệp phong phú, khiến các đơn vị hư từ được phát huy hết những khả năng gợi mở của cảm xúc và ngữ nghĩa. Nhiều đơn vị hư từ được điệp từ 3 cho tới 7 và 8 lần, tạo nên ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi từ loại, thủ pháp vắt dòng câu thơ cùng việc sử dụng các biến thể ngữ âm của hư từ một cách linh hoạt đã tạo ra sự sống động, tươi mới cho những câu thơ của Nguyễn Bính.

5.3. Qua việc sử dụng điêu luyện một số lượng lớn các hư từ, những câu thơ, bài thơ của Nguyễn Bính trở nên gần gũi hơn với đời sống nhân dân lao động bởi chất khẩu ngữ tự nhiên, giọng điệu mang nhiều chất hội thoại, kể lể, tâm tình. Cảm hứng buồn thương, hoài niệm, nhưng nhớ dường như là một trong những sắc màu chủ đạo trong thơ Nguyễn Bính cũng được thể hiện rõ qua việc sử dụng hư từ. Việc so sánh với Huy Cận càng làm rõ hơn sự khác biệt về phong cách giữa hai nhà thơ, cũng như thấy được mức độ sáng tạo của Nguyễn Bính, đặc biệt ở khu vực tình thái từ. Việc đi sâu phân tích một số đơn vị hư từ trong thơ Nguyễn Bính càng làm rõ hơn nữa chất thơ cũng như những tìm tòi biểu hiện của ông.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb GD, Hà Nội.
2. Lê Biên (1998), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb GD, Hà Nội.
3. Nguyễn Phan Cảnh (2001), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb VHNT, Hà Nội.
4. Đỗ Hữu Châu (1999), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

5. Nguyễn Đức Dân (2016), *Logic ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt*, Nxb Trẻ.
6. Bùi Thị Dung (2010), *Hư từ trong ca dao Nghệ Tĩnh*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Ngữ văn, Đại học Vinh.
7. Lê Đông (1991), *Ngữ nghĩa - ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: ý nghĩa đánh giá của các hư từ*, T/c Ngôn ngữ, Số 2.
8. Đinh Văn Đức (1986). *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)*, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb GD, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Lương (1996), *Tiểu từ tình thái dứt câu dùng để hỏi và việc biểu thị các hành vi ngôn ngữ trong tiếng Việt*, Luận án Phó Tiến sĩ, ĐHSP 1, Hà Nội.
11. Vũ Đức Nghiệu - Trần Trọng Dương (2016), *Từ rất và cấu trúc 'Rất + Danh từ', 'Tính từ + Rất' trong một số văn bản Nôm phiên âm sang chữ quốc ngữ. Trong Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Nxb Dân trí, Hà Nội.
12. Trịnh Kim Ngọc (2008), *Khảo sát hoạt động của một số hư từ trong tác phẩm Phép giảng tám ngày của Alexandre de Rhode*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Ngôn ngữ học, ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.
13. Hoàng Trọng Phiến (2003), *Cách dùng hư từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb Nghệ An.
14. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
15. Nguyễn Kim Thân\* (1981), *Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
16. Bùi Minh Toán (2016), *Vai trò của hư từ tiếng Việt trong cấu trúc thông tin của phát ngôn*, Trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Nxb Dân trí, Hà Nội.
17. Phạm Hùng Việt (2003), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
18. Ủy ban Khoa học xã hội (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.